

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HS-ST

Ngày 26 – 02 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Đông

Ông Nguyễn Văn Khoé

Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dề - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Kim N**, sinh năm 1976 tại tỉnh Cà Mau;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; Chồng: Nguyễn Thanh S, con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 8 năm 2024 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư Thanh Bình tại Cà Mau; có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Lê Thị M, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; có mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; có mặt.

+ Bà Tăng Bích Th, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp Kiến Vàng, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; nay là ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; có mặt.

+ Bà Huỳnh Nhựt Mo, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước; tạm trú: Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Kim N và Lê Thị M thân quen với nhau từ năm 2015, thông qua M thì N quen ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Bích Th, bà Huỳnh Nhựt Mo. N biết những người này có điều kiện kinh tế, có tiền cho vay nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của họ. Để tạo lòng tin, đã nhiều lần N vay tiền rồi trả lãi và vốn đúng hạn; nhiều lần đến tiệm vàng của ông H để mua bán, cầm cố vàng. Để lấy được tiền, N nói dối là đang cần tiền làm ăn (phát triển kinh tế), cầm sổ đỏ, cho vay lại lấy lãi chênh lệch, trị bệnh cho con nên ông H, bà M, bà Mo, bà Th tin tưởng cho N vay tổng số tiền **3.540.000.000 đồng (viết tắt 3.540.000.000đ)**. Lấy được tiền, N sử dụng số tiền trên vào việc trả lãi vay cho chính các bị hại và N chi xài cá nhân. Khi không có khả năng chi trả thì N bỏ trốn.

*** Chiếm đoạt của bà Lê Thị M số tiền 1.700.000.000đ.**

Khoảng đầu năm 2016, N nhiều lần vay tiền của bà M, N trả lãi và vốn đúng hạn. Biết bà M là người buôn bán, có tiền cho vay, do cần tiền tiêu xài nên từ năm 2017 đến năm 2018 N tiếp tục hỏi vay bà M nhiều lần. N nói: Cần tiền để cầm sổ đỏ của người khác và cho người khác vay lại để lấy lãi cao hơn. Tin là thật, bà M cho vay nhiều lần (*mỗi lần vay từ vài chục triệu đến vài trăm triệu, lãi suất 3%/tháng*), đến tháng 8/2018, N vay tổng số tiền là 1.700.000.000đ, sau đó N bỏ trốn. Đến khoảng tháng 9/2018, ông S (chồng của N) trả cho bà M 150.000.000đ tiền lãi.

*** Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh H số tiền 980.000.000đ.**

Biết ông H là chủ tiệm vàng nên N nhiều lần đến mua vàng (*mỗi lần mua từ 01 chỉ vàng đến 01 lượng vàng*), cầm vàng. Những lần cầm cố vàng N trả lãi đầy đủ và thanh toán đúng hạn, tạo được lòng tin. N nói dối với ông H là cần tiền để làm ăn, cho vay lại lấy lãi chênh lệch ông H tin tưởng nên cho vay. Từ ngày 13/6/2018 đến ngày 12/7/2018, ông H cho vay 04 lần với tổng số tiền **980.000.000đ**, lãi suất 3%/tháng. Quá trình vay, N trả lãi được khoảng 30.000.000đ, sau đó N bỏ trốn.

*** Chiếm đoạt của bà Huỳnh Nhựt Mo số tiền 600.000.000đ.**

Biết bà Mo có điều kiện về kinh tế nên N nói dối là cần vay tiền để làm ăn (không nói cụ thể), tin tưởng nên bà Mo cho vay 200.000.000đ, lãi suất 6%/tháng. Ngày 25/7/2018, N tiếp tục hỏi vay tiền để chữa bệnh não cho con trai tên Nguyễn Nhựt L. Tin là thật, bà N cho vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất 6%/tháng. Sau đó, N trả lãi 36.000.000đ đến cuối tháng 8/2018 N bỏ trốn.

*** Chiếm đoạt của bà Tăng Bích Th số tiền 260.000.000đ.**

Biết bà Th có điều kiện về kinh tế nên N hỏi vay tiền để làm ăn (như: cầm sổ đỏ của người khác). Tin tưởng nên bà Th cho vay 70.000.000đ, lãi suất tương đương lãi suất ngân hàng. Ngày 21/7/2018, N tiếp tục hỏi vay tiền để cầm sổ đỏ của người khác và chữa bệnh não cho con trai tên Nguyễn Nhật L. Tin là thật nên cho vay 190.000.000đ, sau đó thì N bỏ trốn, ông S (chồng N) có khắc phục cho bà Th số tiền 50.000.000đ.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Tạ Kim N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Tạ Kim N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Tạ Kim N từ 10 năm tù đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục hoàn trả cho các bị hại gồm: Bà Lê Thị M số tiền 1.550.000.000đ; ông Nguyễn Thanh H số tiền 950.000.000đ; bà Tăng Bích Th số tiền 210.000.000đ; bà Huỳnh Nhật Mo không yêu cầu nên không giải quyết mà để bị hại và bị cáo tự thỏa thuận việc thanh toán.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Kim N trình bày:* Thống nhất với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và các điều luật áp dụng cũng như việc bồi thường cho các bị hại. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; có bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trình độ học vấn thấp nên bị cáo có hạn chế về nhận thức pháp luật; nhân thân bị cáo không tiền án, tiền sự. Hiện tại sức khỏe bị cáo không tốt; chồng bị cáo là ông S trong quá trình công tác trước đây có nhiều thành tích được tặng nhiều Bằng khen; bị cáo có 02 người chú tham gia cách mạng (một người liệt sỹ) nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo: Thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận, bào chữa bổ sung; chỉ yêu cầu các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Mo: Về dân sự để bị hại và bị cáo tự thỏa thuận việc thanh toán nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này; yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại M, H: Thống nhất với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự của bị cáo.

Bị hại Th: Thống nhất với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát về trách nhiệm hình sự cũng như số tiền phải trả cho bị hại. Tuy nhiên, phải buộc ông S có nghĩa vụ cùng bị cáo trả cho bị hại.

Ông S: Việc bị cáo gian dối để vay tiền của các bị hại ông không hay biết; Khi bị cáo bỏ trốn ông mới biết. Thấy vợ mình thiếu nợ nên ông đã tự nguyện bán tài sản trả thay. Khi nào ông có tiền thì ông có thể trả chứ ông không có nghĩa vụ cùng bị cáo trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Bị cáo Tạ Kim N nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nhưng tiêu xài lớn. Để có tiền chi phí cho việc tiêu xài, N đã hỏi vay nhiều người, nhiều lần, số tiền lớn dẫn đến mất khả năng thanh toán. Để các bị hại tin tưởng cho vay tiền, bị cáo nói dối là cần tiền để làm kinh tế như: Chăm sóc, cho người khác vay lại lãi suất cao hơn để hưởng lãi chênh lệch, trị bệnh cho con ruột. Do trước đó bị cáo đã tạo được lòng tin với các bị hại về việc vay tiền, mua bán, cầm cố vàng nên các bị hại tin tưởng vào thông tin mà bị cáo cung cấp, cho bị cáo vay tiền bằng “*chữ Tín*” mà không có thể chấp tài sản. Số tiền bị cáo nhận của các bị hại cụ thể: Bà Lê Thị M số tiền 1.700.000.000đ, ông Nguyễn Thanh H số tiền 980.000.000đ, bà Huỳnh Nhựt Mo số tiền 600.000.000đ, bà Tăng Bích Th số tiền 260.000.000đ, tổng là **3.540.000.000đ**.

Số tiền vay được bị cáo không có làm ăn phát triển kinh tế như lời nói của bị cáo mà dùng để trả lãi cho chính các bị hại và bị cáo chi xài hết. Bị cáo đưa ra thông tin về việc cầm sổ đỏ, cho người khác vay lại, trị bệnh cho con là thông tin giả. Mục đích đưa ra là để các bị hại tin là thật mà đưa tiền cho bị cáo. Số tiền nhận được từ bị hại bị cáo đã trả tiền lãi cho các bị hại và bị cáo chi xài hết. Hành vi này của bị cáo là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vi phạm pháp luật hình sự. Với hành vi bị cáo N đã thực hiện, số lượng tiền bị cáo chiếm đoạt đã phạm vào *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố

[3] Về trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã làm cho các bị hại bị thiệt hại nghiêm trọng

về tài sản. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội có thời hạn nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đồng thời, răn đe và phòng ngừa chung tại địa phương.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở nhiều lần khác nhau, mỗi lần số tiền chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản* quy định Điều 174 Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình hoàn trả tiền cho bị hại trong giai đoạn điều tra, truy tố (số tiền 330.000.000đ); có bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; chồng bị cáo là ông S quá trình công tác có nhiều thành tích được tặng Bằng khen; bị cáo có người chú là liệt sỹ, một người tham gia bộ đội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, chấp nhận lời bào chữa của luật sư về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bà Huỳnh Nhật Mo số tiền 600.000.000đ. Tại cơ quan điều tra giữa bị cáo và bà Mo đã thoả thuận được việc trả nợ nên bà Mo không yêu cầu giải quyết bị cáo trả tiền chiếm đoạt. Do đó, trong vụ án này không giải quyết, nếu bị cáo và bà Mo có tranh chấp về việc trả nợ thì có quyền khởi kiện theo tố tụng dân sự ở một vụ án khác (BL: 157, 188).

Bị cáo chiếm đoạt của bà Tăng Bích Th số tiền 260.000.000đ; quá trình điều tra, ông S đã bồi thường thay được 50.000.000đ, còn nợ 210.000.000đ. Tại cơ quan điều tra giữa bị cáo và bà Th đã thoả thuận thống nhất bị cáo trả 210.000.000đ. Tại phiên toà, bị cáo và bà Th giữ nguyên sự thoả thuận; sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại không trái pháp luật nên chấp nhận (BL: 158, 186).

Bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh H số tiền 980.000.000đ. Tại cơ quan điều tra giữa bị cáo và ông H đã thoả thuận thống nhất bị cáo trả 980.000.000đ. Trước khi bỏ trốn bị cáo có trả lãi được 30.000.000đ nên đối trừ bị cáo còn nợ 950.000.000đ. Tại phiên toà, bị cáo và ông H giữ nguyên sự thoả thuận là bị cáo phải trả ông H 950.000.000đ; sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại không trái pháp luật nên chấp nhận.

Bị cáo chiếm đoạt của bà Lê Thị M số tiền 1.700.000.000đ; quá trình điều tra, ông S đã trả thay được 150.000.000đ tiền lãi. Tuy nhiên, bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của bị hại và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chiếm đoạt nên bị cáo không có nghĩa vụ trả lãi. Số tiền 150.000.000đ được trừ vào vốn nên còn nợ 1.550.000.000đ. Tại cơ quan điều tra bị cáo đã thống nhất trả 1.550.000.000đ. Tại phiên toà tiếp tục thống nhất trả bà M 1.550.000.000đ là đúng pháp luật nên chấp nhận (BL: 179, 177).

[5] Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động OPPO Reno3, có sim số 0912294778, đã qua sử dụng; gia đình bị cáo có nộp 100.000.000đ tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau để bồi thường (Biên lai số 0000138 ngày 27/6/2024), đây là tài sản cá nhân của bị cáo. Xét thấy bị cáo còn phải có nghĩa vụ dân sự đối với các bị hại nên giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà

Mau thi hành án đồ vật trên của bị cáo để thi hành phần nghĩa vụ dân sự của bị cáo trong bản án.

(Vật chứng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2025; Biên lai số 0000138 ngày 27/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau).

[6] Tại phiên toà bị hại Th yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ cùng bị cáo trả số tiền 210.000.000đ cho bị hại. Xét thấy: Chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ không có chứng cứ để chứng minh ông S có cùng bị cáo thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của bị hại; Cũng không có chứng cứ để chứng minh ông S có sử dụng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại nên không có cơ sở để buộc ông S phải chịu trách nhiệm (Hình sự, Dân sự) về số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ.

Số tiền bị cáo phải trả cho các bị hại đã được bị cáo và các bị hại thống nhất thỏa thuận tại giai đoạn điều tra nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Trách nhiệm hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Kim N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Tuyên phạt: Bị cáo Tạ Kim N **12 (mười hai) năm** tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 21/8/2024.

2. Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Tạ Kim N có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại:

+ Bà Lê Thị M số tiền **1.550.000.000 đồng**;

+ Ông Nguyễn Thanh H số tiền **950.000.000 đồng**;

+ Bà Tăng Bích Th số tiền **210.000.000 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau thi hành án đối với số tiền 100.000.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động OPPO Reno3 (điện thoại di động OPPO Reno3; IMEI 1: 860202042976838; IMEI 2: 860202042976820; có sim số 0912294778, đã qua sử dụng; được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3

23005936) để thi hành án phần nghĩa vụ dân sự của bị cáo Tạ Kim N trong bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Tạ Kim N phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Tạ Kim N không phải chịu.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ , án văn, Tòa hình sự;
- Lưu VT (TA:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Xuân Miến